

TRUNG ÚY SƠN

Charles Kuralt (1934-1997) là một thông tin viên nổi tiếng của đài truyền hình CBS. Các chương trình phóng sự của ông đã trúng được 10 giải Emmy Awards và 3 giải Peabody Awards. Tên tuổi của ông dính liền với tên tuổi của các thông tin viên nổi tiếng khác của các đài truyền hình lớn trên nước Mỹ như Walter Cronkite, Tom Brokaw hay Harry Reasoner.

Ông có ra đời 7 quyển sách viết về những kỷ niệm trong sự nghiệp làm phóng sự của ông trong những lần ông đi làm tin trên khắp nước Mỹ hay trên toàn thế giới.

Quyển hồi ký, “A Life on the Road”, tạm dịch là “Một Đời Phiêu Du”, của ông xuất bản năm 1990, bởi Nhà Xuất Bản G. P. Putnam’s Sons, New York, dày 253 trang với 26 chương. Thay vì viết về những nhân vật nổi tiếng trên khắp thế giới mà ông đã từng phỏng vấn như Tổng Thống Kennedy, Mẹ Teresa, hay Marlon Brando như những quyển khác, quyển này ông viết về những người bình thường ông đã từng gặp, mà để lại cho ông những kỷ niệm khó quên.

Chương 6 có một tựa đề vắn vắn là “Trung Úy Sơn.”

Trong chương này, ông kể về những kỷ niệm của ông trong chuyến đi đầu tiên của ông đến Sài Gòn vào năm 1961. Ông kể về Sài Gòn một cách triu mến và kể một câu chuyện rất cảm động về sự chiến đấu anh dũng của Trung úy Sơn và đồng đội của anh, các chiến sĩ Biệt Động Quân thuộc Đại Đội 150, khi đã phải chống trả với một lực lượng Việt cộng đông gấp 5 lần trong một cuộc hành quân gần Sài Gòn vào năm đó. -- Thiên Cao, 4/25/2011

oOo

Chương 6: Trung úy Sơn

Mùa xuân năm đó, Les Midgley, sếp tôi, nói một điều khiến tôi suy nghĩ mất mạng trong đường tơ kẽ tóc. Anh nói “Việt Nam.”

Đó là vào tháng 4 năm 1961. Tôi có ghi trong chuyến đi này là “Có khoảng 500 cổ vấn quân sự Hoa Kỳ tại quốc gia này.” Lúc đó, không một cơ quan truyền thông Hoa Kỳ nào xem cuộc chiến Việt Nam là quan trọng đến nỗi phải mở một văn phòng thường trực tại đây. Vì vậy cuộc thăm viếng của một toán truyền hình từ Hoa Kỳ đến đây được coi là đặc biệt đến nỗi khi anh quay phim Fred Dieterich, từ Los Angeles, và tôi đến Phi cảng Sài Gòn thì chính quyền Nam Việt Nam đã cử một chiếc Citroen có tài xế lái ra đón chúng tôi và chở vào thành phố. Họ còn sắp xếp cho chúng tôi



một cuộc phỏng vấn với Tổng Thống Ngô Đình Diệm tại Dinh Tổng Thống vào sáng hôm sau.

Ông Diệm là một tổng thống được dân chúng bầu lên nhưng sau lại trở thành một người chuyên quyền. Ông ra lệnh bắt giam hàng loạt những người chống đối ông và kiểm duyệt báo chí với lý do là để chống lại cộng sản. Quân đội của ông phải đối diện với một cuộc chiến rất tàn khốc tại rừng rậm và đồng ruộng. Và từ từ, họ đang mỏi mệt. Trong cuộc phỏng vấn này, Tổng Thống Diệm nói thẳng cho tôi nghe về những vấn đề mà quốc gia ông đang phải đối phó. Ông không dùng những lời lẽ quanh co của các nhà ngoại giao như tôi tưởng. Ông nói thẳng ra là nước ông cần viện trợ quân sự từ phía chính phủ Hoa Kỳ.

Ông kể rằng khi đất nước Việt Nam bị chia đôi vào năm 1954, có hơn 900,000 người Việt từ bắc di cư vào nam. Hầu hết các người này là những người tỵ nạn và chống cộng thật sự. Nhưng trong số này có khoảng 10,000 người là cán bộ cộng sản chính gốc. Họ được lệnh trà trộn vào nam để khủng bố các người tỵ nạn. “Giết trưởng làng,” Ông Diệm kể, “Giết các người phụ tá của họ, đe dọa dân làng. Đó là thủ đoạn của chúng. Và nay bọn Việt cộng nằm vùng này lại được yểm trợ bởi quân chính quy từ Hà Nội. Đây là một cuộc xâm lăng thâm lậu, với sự yểm trợ của Trung cộng và Nga Sô. Để đối phó lại, chúng tôi cần sự yểm trợ về quân sự từ phía chính phủ Hoa Kỳ.”

Tôi đề nghị với ông vì Việt Nam là cựu thuộc địa của Pháp, chính phủ Nam Việt Nam nên kêu gọi sự giúp đỡ của nước Pháp.

“Nước Pháp không có ý chí.” Tổng Thống Diệm nói thẳng ra như vậy. “Chỉ có nước Hoa Kỳ là có ý chí bảo vệ tự do cho thế giới. Nếu nước Hoa Kỳ mất ý chí này thì nước Việt Nam sẽ mất tự do.”

Hôm đó, Tổng Thống Diệm đã dạy cho tôi một bài học lịch sử rất quý báu. Và ông đã cho tôi một lời tiên tri thật đúng.

Chẳng bao lâu, tôi khám phá ra rằng Sài Gòn là một thành phố rất quyến rũ so với các thành phố khác trên thế giới. Lúc đó, cuộc chiến ở vùng quê chưa ảnh hưởng đến thành thị. Những người Việt tôi đã được gặp, từ những giáo chức, người làm báo, người hầu bàn, cho đến các tài xế chạy tắc-xi, tất cả đều rất thân thiện và chu đáo lắm. Các phụ nữ thật là xinh đẹp, theo tôi nghĩ, họ thướt tha đi trong các tà áo dài. Trời mùa xuân tại đây thật đẹp và các quán cà phê trên vỉa hè thật tuyệt vời. Ban ngày, tôi lang thang đi dưới các tàng cây và tối đến, tôi lười biếng nằm một mình trên giường ở khách sạn Majestic, mắt nhìn lên chiếc quạt trần đang quay chậm chậm, tai lắng nghe những tiếng động dội lên từ mé sông gần đó. Cũng như đám phóng viên Tây Phương đổ tràn vào sau này, tôi bị Sài Gòn mê hoặc lúc nào không hay. “Thành phố này phải được bảo vệ,” Tôi nghĩ thầm, “Nếu một Sài Gòn nắng ấm, nhộn nhịp này bị rơi vào tay cộng sản để trở thành một thành phố ảm đạm, tù túng thì nền văn minh của nhân loại không còn nữa.”

Mỗi ngày tôi đều ghé vào văn phòng báo chí chính phủ để xin phép được đi theo một cuộc hành quân về vùng quê. “Nguy hiểm lắm.” Một viên chức ở đây bảo tôi vậy. Thấy tôi cứ kéo nheo mãi, không chịu rời, ông nói, “Ừ, có thể.” Và cuối cùng ông cho biết, “mai sẽ có Trung úy Sơn tới đón ông tại khách sạn vào lúc trưa. Hãy chuẩn bị cho một chuyến đi nhiều ngày.”

Hôm sau, Fred Dieterich chất dụng cụ lên chiếc xe Jeep tới đón chúng tôi và leo lên ngồi phía sau. Tôi ngồi phía trước kế bên người lái xe là Trung úy Sơn, một sĩ quan Biệt Động Quân trẻ đã từng được huấn luyện tại Hoa Kỳ. Tuy tiếng Pháp của tôi rất nghèo nàn và tiếng Anh của anh ta không khá lắm nhưng chúng tôi cũng nói chuyện được với nhau trong lúc xe đang rời thành phố. Tuy trẻ tuổi nhưng Trung úy Sơn là cựu chiến binh của cuộc chiến trước. Anh cho biết gia đình anh là một gia đình quốc gia. Anh và hai người anh lớn đã từng gia nhập quân đội Việt Minh để chống Pháp. Và anh, lúc đó mới chỉ là một chú bé nhóc tỳ, đã từng có mặt trong những ngày cuối của trận chiến Điện Biên Phủ năm 1954.

“Chúng tôi muốn có một đất nước tự do.” Anh nói, “gia đình tôi không muốn chống Pháp để rồi lại bị cai trị bởi Hồ Chí Minh.” Anh nhún vai và mỉm cười, “vì vậy chúng tôi vẫn phải tiếp tục chiến đấu. Ông sẽ thấy trường hợp của tôi cũng là trường hợp của nhiều chiến sĩ Biệt Động Quân khác.”

Chúng tôi nghỉ đêm ở một nhà kho bỏ trống ở ngoại ô Bến Cát với Trung úy Sơn và đơn vị Biệt Động Quân của anh, Đại Đội 150. Anh Sơn giới thiệu chúng tôi với những người lính của trung đội anh do anh chỉ huy. Tôi bắt tay họ trong lúc anh ta đang nói gì đó với họ. “Tôi nói họ hãy bảo vệ các anh cho an toàn ngày mai.” Sơn nháy mắt và nói với tôi sau đó.

Màn đêm buông xuống, Sơn mang thức ăn đến cho chúng tôi, cơm và thịt với một loại nước chấm hơi nặng mùi. Tôi hỏi anh, “Nước gì đây?” “Tôi không biết tiếng Anh gọi là gì.” Anh cười và nói thêm, “Cứ ăn đi, đừng thắc mắc.” Anh nhường cho Fred và tôi mỗi người một chiếc ghế bô để ngủ, còn anh và các người lính của anh thì nằm dưới đất. Tôi bảo anh ta, “Đối xử với chúng tôi như mọi người.” Anh Sơn nói, “Không sao, các anh là khách mà.”

Tối hôm đó, các sĩ quan họp nhau ở một góc phòng, nghiên cứu tấm bản đồ dưới một bóng đèn điện heo hắt. Sáng hôm sau, 3 trung đội Biệt Động Quân được lệnh tiến về một vùng đất tên là An Điền nằm giữa con sông Sài Gòn và một con kinh nhỏ để truy lùng một toán Việt cộng tại đây. Trung đội của Trung úy Sơn đi giữa, “chúng tôi không đi trên lộ,” anh Sơn bảo, “vì thế các ông phải lộ bần nhé.”

Trước tiên, chúng tôi được chở bằng xe cam nhông một đoạn đường ngắn trước khi mặt trời lên. Xe ngừng ở một bìa rừng thưa. Các người chiến binh lặng lẽ mang nón sắt lên đầu, mang ba lô lên vai, tay cầm súng tiến vào cánh rừng. Đạn pháo binh bắt đầu nổ từ phía sau chúng tôi. Những quả đạn 155ly bay qua đầu chúng tôi và rớt về phía trước, nơi chúng tôi đang tiến đến. “Tiến đến đâu nhi?” Tôi cũng chẳng biết, “Mặc kệ, đi tới đâu hay tới đó.”

Khi mặt trời lên, chúng tôi đi băng qua vài căn nhà trống kể bên một góc rừng. “không có ai ở cả,” anh Sơn nói, “dân chúng họ sợ phe ta, họ sợ phe địch nên họ di tản đi hết rồi.”

Đạn pháo binh ngừng nổ. Buổi sáng trở nên im lặng ngoại trừ những tiếng chân của khoảng 30 đôi giày đang bước đi trên đất. Chúng tôi ra khỏi khu rừng này, leo qua một hàng rào kẽm gai và băng qua mấy thửa ruộng. Freddy Dieterich và tôi đi sau người dẫn đầu, chúng tôi ngó về phía sau và quay cảnh những người lính đang tiến tới. Mặt trời đã lên rồi, tôi nghĩ thầm, chắc không có chuyện gì sẽ xảy ra đâu. Ít ra mình cũng đã quay được cảnh các người lính đang bước đi.

Khi chúng tôi vừa tiến đến một bờ đê cao, có tiếng súng đại liên bắn ra từ phía bên kia con lạch nhỏ, cách chúng tôi chừng nửa dặm. Tiếng súng nổ vang lên càng lúc càng nhiều đến nỗi tôi nghe như một tiếng vang liên tục.

Trung úy Sơn ra lệnh gì đó với lính của anh. “Phục kích.” Anh nói với tôi, “Trung đội phía trước bị bao vây, họ cần tiếp viện.” Anh móc khẩu Colt 45 ra, vẫy về phía trước và xông lên. Những người lính của anh chạy theo, băng qua con lạch và tiến đến một cánh rừng khác. Anh Fred Dieterich và tôi vừa cố thủ cảnh những chiến sĩ anh dũng xông lên để đi cứu đồng đội, vừa cố thủ những tiếng súng nổ của trận chiến, và vừa cố chạy theo để khỏi bị bỏ sót lại.

Khi chúng tôi tiến đến bìa rừng, các tiếng súng đã ngừng nổ ngoại trừ vài tiếng phát ra từ phía sâu trong rừng. Tôi thấy có vài xác người nằm, phần nhiều là xác của chiến sĩ Biệt Động Quân, nhưng cũng có hai xác mặc bộ đồ bà ba đen của Việt cộng. Một xác Việt cộng nằm kế bên một khẩu trung liên Browning. Còn xác Việt cộng kia thì nằm kế bên một cây mã tấu.

Trung úy Sơn ra lệnh lính anh dừng lại. Mỗi người móc ra một khăn tay và đeo lên cánh tay trái. Sơn đưa cho Fred và tôi mỗi người một khăn tay. “Để phe ta khỏi bắn nhầm lẫn nhau.” Anh giải thích, “Chúng ta tiến vào rừng chậm chậm thôi, các anh đi sau tôi.”

Các người lính tỏa ra và theo lệnh của Sơn họ tiến vào rừng. Chúng tôi chậm chậm tiến vào được 200 mét, rồi 300 mét, mọi người chăm chú nhìn về phía trước, chuẩn bị đối phó với những cử động trước mặt. Tôi thấy thêm vài xác bạn. Tôi thấy một người lính Biệt Động Quân mặc dù đã bị thương nhưng không để ý đến vết thương của mình, anh đang băng bó cho bạn mình bị một vết thương nặng hơn ở ngực. Sơn ngừng lại hỏi anh vài câu và ra dấu cho mọi người tiếp tục tiến tới, bước những bước đi thận trọng và im lặng. Fred Dieterich thì thào nói với tôi, “Tình hình có vẻ ghê rợn nhỉ?”

Cuối cùng chúng tôi tiến đến một con đường đất dẫn đến một khoảng trống trong rừng. Ở giữa khoảng trống này là một căn miếu đồ nát và một căn nhà nhỏ mất nóc. Sơn ra dấu cho bốn người lính vào lục soát. Họ dùng báng súng đẩy tung cánh cửa miếu và xông vào, không có ai trong đó cả. Họ bao vây và xông vào căn nhà mất nóc, nhà trống. Mọi người tụ

lại thành một hình vòng cung, chĩa súng và hướng ra, chăm chú nhìn về cánh rừng bao quanh mình phía trước. Không khí yên lặng một cách lạ thường.

Đột nhiên, súng nổ tứ tung. Cả cánh rừng đột nhiên như bừng sống lại. Chúng tôi bị bao vây tứ phía với những tiếng súng vang động khắp nơi. Tôi nhận ra rằng các tiếng súng này vang ra rất gần và nhắm vào chúng tôi. Tôi nhìn quanh tìm chỗ ẩn nấp nhưng chẳng thấy có chỗ nào cả ngoại trừ một con hố rất nông nằm giữa khu đất trống. Tôi và Fred nhào xuống con hố này cùng một lượt. Tôi thấy nhiều bóng người trên các cành cây nổ súng về hướng chúng tôi. Anh Fred đưa máy quay phim lên, nhướn người về phía trước, chĩa máy quay phim về phía chúng và bấm máy như đang bắn trả lại.

“Đừng làm vậy,” tôi la lên, “Cúi đầu xuống.”

Fred Dieterich bình tĩnh trả lời, “Charlie ơi, tôi nghĩ chúng mình sắp đi rồi. Vì vậy chẳng thà tôi quay phim để mọi người thấy chuyện gì xảy ra cho chúng ta.”

“Mặc kệ,” tôi la lên, “chưa phải lúc chúng ta đi đâu. Cúi xuống.”

Vì tiến vào giải cứu trung đội đầu tiên bị phục kích, chúng tôi cũng bị phục kích luôn. Dù cúi xuống, tôi cũng nhìn được chung quanh và nhận thấy tình hình hơi nguy kịch. Nhiều người lính gục ngã quanh tôi trong đợt súng nổ đầu tiên, hoặc chết hoặc bị thương. Dù vậy, những quân nhân còn sống sót lại vẫn chống trả lại một cách anh dũng. Có người xông vào rừng, bắn trả lại cho đến khi anh bị trúng đạn và ngã gục. Anh ngã xuống mà ngón tay vẫn ghì chặt trên cò súng, nòng súng lúc đó đã chĩa lên trời và súng vẫn tiếp tục nhả đạn. Nhiều người tụ lại thành một vòng đai và đều đặn bắn trả lại. Trung úy Sơn bị trúng một viên đạn ở cánh tay nhưng ông vẫn tiếp tục chỉ huy. Tôi thấy anh quỳ kế bên anh giữ máy truyền tin. Sơn thì đang quay điện cho máy chạy còn anh lính truyền tin thì đang gọi về bộ chỉ huy để kêu cứu viện. Fred Dieterich và tôi bò về phía họ và quay được cảnh này: Dù đạn bay tứ phía nhưng Sơn không đếm xỉa gì cả, anh bình tĩnh ngồi quay điện cho máy chạy. Nhưng vô ích, không có tiếng trả lời. Bộ chỉ huy ở xa tầm máy quá.

Đột nhiên người lính truyền tin này, một anh lính trẻ cỡ chừng 17 hay 18 tuổi gì đó, làm một hành động rất can đảm mà tôi chưa từng thấy. Chẳng nói gì, anh lục trong ba lô và lôi ra một cuộn dây điện. Anh nối một đầu dây điện vào cần ăng ten của máy truyền tin. Rồi anh chạy về phía một cây cao gần đó, vừa chạy vừa tháo cuộn dây điện ra. Miệng ngậm đầu dây kia, anh thoăn thoắt leo lên cây mặc kệ súng nổ tứ hướng nhắm vào anh. Anh cuốn đầu dây điện vào một cành cây, tuột xuống và chạy về chỗ cũ, chẳng hề hấn gì cả. Anh với tay quay máy liên tục, Trung úy Sơn, nằm kế bên, nói vào máy và liên lạc được với bộ chỉ huy. Anh dùng bản đồ đọc cho bộ chỉ huy tọa độ của anh và trả máy lại cho anh lính truyền tin. “Cúi xuống,” anh nói với Fred và tôi, “tình thế khả quan rồi. Họ sẽ gửi lính nhảy dù đến cứu viện.”

Tiếng súng đã ngừng nổ. Tôi không thấy các bóng bọn Việt cộng đâu nữa mặc dù vẫn còn nghe vài tiếng súng rời rạc phát ra từ trong rừng sâu. Tôi thấy hai người lính đang băng bó vết thương của Sơn và cả ba bò về phía những người bị thương khác để băng bó cho họ. Họ kéo những người lính bị thương nặng vào nằm kê bên bờ tường của căn miếu. Nhiều người đã tắt thở trong lúc chờ quân cứu viện đến.

Sơn đi tới đi lui, yếm trợ tinh thần những người bị thương nặng. Anh quỳ kê bên Fred và tôi và nói, “chúng tôi gần hết đạn rồi, các anh nên biết vậy. Tôi không nghĩ chúng ta sẽ bị tấn công nữa, nhưng nêu chúng ta...”

Một tiếng súng vang lên từ phía sâu trong rừng. Viên đạn oan nghiệt đã trúng vào phía sau nón sắt của Sơn và trở ra phía trước. Anh ngã chúi về phía tôi. Vết đạn lúc xuyên vào trông nhỏ quá. Tôi ôm đầu anh vào ngực tôi. Tay tôi vơ vội những lá khô dưới đất, cố đắp vào vết thương của anh xem có cầm máu được không.

Tôi nhớ phát súng kết liễu đời Sơn là tiếng súng cuối cùng của hôm đó. Rồi lính nhảy dù đến cứu viện bằng xe cam nhông. Bọn Việt cộng rút đi mang theo đồng bọn đã chết hay bị thương. Chúng tôi rút về một trường học gần đó. Tôi thấy một tấm biển nằm chơ vơ dưới đất. Tôi nhặt tấm biển này lên và nhờ thông dịch. Tấm biển này ghi là, “Không cung cấp gạo cho Việt cộng”, “Không cung cấp tin tức cho Việt cộng”, “Không cho Việt cộng trú ẩn trong nhà”. Sở dĩ tấm biển này nằm dưới đất vì tối hôm trước, bọn Việt cộng đã lên vào và đập phá trường học này.

Một đại tá Biệt Động Quân ghé đến trường bằng xe Jeep. Ông tập họp những người còn lại của Đại Đội 150 lại và nói với họ, “Đại Đội 150 thật anh dũng, các anh đã chống trả lại quân địch đông gấp 5 lần các anh. Xin đừng nghĩ đến các đồng đội đã thiệt mạng. Các anh chiến đấu cho lý tưởng tự do và lý tưởng tự do sẽ chiến thắng.

Nhưng 19 người lính của đại đội không được nghe điều này. Họ đã bị thiệt mạng hôm đó. Trong số đó có hai sĩ quan, Trung úy Sơn và vị chỉ huy của anh. Tôi đếm được ít nhất là 11 thương binh, hoặc hơn thế nữa.

Người đại tá này cử một chiếc xe bọc sắt chở Fred và tôi về Sài Gòn. Chúng tôi an toàn về lại thành phố khoảng một tiếng sau. Thành phố trông vẫn yên bình.

Xe chúng tôi chạy dọc theo các con đường lớn. Xe cộ vẫn tấp nập quanh tôi. Các quán cà phê bên vỉa hè vẫn chật ních người ngồi.

Chúng tôi về đến khách sạn Majestic lúc màn đêm vừa buông xuống. Fred và tôi bước vào thang máy mang theo các dụng cụ quay phim. Mọi người nhìn chúng tôi như các con quái vật vì quần áo chúng tôi dính đầy bùn đất. Áo của tôi vẫn còn dính đầy máu của Trung úy Sơn.

Tôi không thể nào quên được Trung úy Sơn. Tôi luôn nhớ đến anh trong suốt cuộc chiến Việt Nam sau này. Sau này, tôi có trở lại Việt Nam nhiều lần, đi về miền quê với nhiều toán quân, kỳ này là đi với các toán quân Hoa Kỳ, và được chứng kiến nhiều sự ngã gục của nhiều anh hùng trong trận địa. Với cuộc chiến tiếp tục tiếp diễn, và với con số tử vong của các quân nhân Hoa Kỳ càng ngày càng gia tăng, nhiều người tại Hoa Kỳ đã bảo rằng những người trẻ Hoa Kỳ đã thiệt mạng một cách vô lý. Nhiều bạn tôi còn đồng ý với nhau cho rằng đây là một cuộc chiến vô luân của “Đế Quốc Mỹ” chống lại “Nhân Dân Việt.”

Tôi thì không nghĩ như vậy. Những người Việt Nam tôi đã từng gặp chẳng ham muốn chiến tranh gì cả. Họ chỉ muốn được để yên, được sống trong một cuộc sống thanh bình mà thôi. Họ bị xâm chiếm bởi một quân đội đến từ miền bắc, được gửi đến bởi một chính quyền mà họ quá chán ghét nên mới bỏ đi. Tôi vẫn nghĩ đến Sơn, một người vì muốn có một nước Việt Nam được tự do nên anh vẫn tiếp tục chiến đấu, mặc dù anh đã từng chiến đấu để giành tự do cho Việt Nam rồi. Tôi vẫn nghĩ đến những người lính của Đại Đội 150, đến người lính ngã gục bên bìa rừng, ngón tay vẫn siết chặt trên cò súng, đến người lính truyền tin can đảm, miệng ngậm sợi dây điện leo lên cây, bắt chập những lần đạn đang bắn về phía mình.

Tôi nghĩ, và tôi luôn nghĩ, lý tưởng yêu chuộng công lý và tự do vẫn luôn sống trong lòng của những người chiến binh anh dũng này. Tôi rất ghét khi sau này trở lại Việt Nam và nghe những người này bị gọi là “Gooks” bởi những người cùng xứ với tôi.

Những người còn sống sót lại sau cuộc chiến, mà đã là lính Biệt Động Quân thì còn có bao nhiêu người còn sống sót đâu? Thì hiện nay đang bị giam cầm ở các nơi gọi là “Trại Cải Tạo.” Một thành phố yêu kiều và từ tốn mang tên Sài Gòn nay đã bị đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh. Vết thương của cuộc chiến Việt Nam đang lành ở đất nước Hoa Kỳ này. Tại Hoa Kỳ này, nhiều người hiện nay không còn nhớ đến cuộc chiến Việt Nam, và nhiều người chẳng cần biết đến “Ý muốn của người Việt Nam” là gì.

Thỉnh thoảng khi có dịp ghé Washington DC tôi vẫn ghé thăm “Bức Tường Kỷ Niệm Cuộc Chiến Việt Nam.” Tôi lần đọc những tên được khắc trên bức tường đen này. Tôi nhớ đến họ. Dĩ nhiên tên của anh Sơn không có ở đây, nhưng tôi cũng nhớ về anh.

Tôi chỉ biết anh có một ngày. Tôi chẳng biết họ anh là gì.

Bản dịch của Thiện Cao

Nguồn: Internet E-mail by Lê Dũng, K4-71/SQTB/TĐ, ĐPQ, QL-VNCH chuyển

*Đăng ngày Thứ Sáu, July 12, 2013
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, SĐND, QL-VNCH*